TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 5 - 2019

V/v tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bỉnh.

2. Bà Lâm Thị Kim Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 141/2018/TLHNGĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đường N, khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà N có mặt, ông N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Lê Thị Bích N và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu của nguyên đơn - Bà Lê Thị Bích N trình bày: Vào năm 2013, bà N và ông N yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới. Ngày 17 tháng 10 năm 2014, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông N và bà N tự nguyện kết hôn,

không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên N do ông N thường xuyên đánh cờ bạc, không chí thú làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Bà N làm vợ thương chồng nên đã nhiều lần khuyên nhủ ông N sửa đổi để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng ông N không sửa đổi được gì. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên bà N xin ly hôn với ông N, trả lại tự do cho nhau; về con chung: Bà N xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Như K, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2014, giới tính nữ. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu K đến tròn 18 tuổi. Bà N không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K vì bà N đủ điều kiện nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của bà N, Tòa án nhân dân thị xã K tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tống đạt hợp lệ cho ông N nhưng ông N không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các thông báo của Tòa án. Đồng thời, ông N cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của ông N cho Tòa án biết về việc bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N. Do đó, các phiên hòa giải không thể tiến hành được theo quy định pháp luật nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là ông N có địa chỉ tại khu phố 1, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông N tại phiên tòa: Ông N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến nay, bà N và ông N đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông N là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên tòa, bà N vẫn xin được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu K đến tròn 18 tuổi và không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K. Bởi vì, hiện tại bà N làm nghề buôn bán, công việc ổn định, thu nhập trung bình được khoảng 10.000.000 đồng/tháng, nhà bà N gần trường học, tiện việc đưa đón con đi học. Đồng thời từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến nay, ông N cũng không phụ giúp bà N nuôi con chung mà bà N vẫn tự nuôi dưỡng, chăm sóc con chung được đầy đủ về mọi mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là tiếp tục giao cháu K cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi và không buộc ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Bích N, xử cho bà Lê Thị Bích N được ly hôn với ông Nguyễn Trung N.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao người con chung tên Nguyễn Lê Như K, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2014, giới tính nữ cho bà Lê Thị Bích N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Trung N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Như K.

Ông Nguyễn Trung N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Nguyễn Trung N thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con thì theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, Nng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006996 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Bà Lê Thị Bích N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Phong, huyện Cai Lậy;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu